

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25-11-2019

V/v “Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chu Y.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Rễn;
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Đình Quế Anh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2019/TLHNGĐ-ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51a/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đồng Ngọc Mai T, sinh năm: 1986. Nơi cư trú: Số X, khu phố M, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Trịnh Thành P, sinh năm: 1982. Nơi đăng ký thường trú: Ấp L, xã Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Bà T có mặt, ông P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 28/8/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Đồng Ngọc Mai T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trịnh Thành P tổ chức lễ cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên gây gổ với nhau, ông P thường đánh đập bà và mượn tiền cờ bạc, thường xuyên ghen tuông ảnh hưởng đến công việc của bà, từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông bà ly thân từ tháng 06/2014 cho đến nay không có hàn gắn đoàn tụ. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

- Về con chung: Bà và ông P có 01 con chung tên Trịnh Kim Th, sinh ngày 28/01/2012, từ khi ly thân đến nay cháu Th sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Th, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là ông Trịnh Thành P đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông P vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; ông P đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P là đúng theo quy định tại Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông P; giao con chung tên Trịnh Kim Th, sinh ngày 28/01/2012 cho bà T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí, bà T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết, ông P đã bỏ địa phương không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú do đó có cơ sở ông P cố tình che giấu địa chỉ. Đồng thời ông P đã được Tòa án niêm yết, cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ nhưng ông P

vắng mặt phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên áp dụng điểm e khoản 1 Điều 192 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông P kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, đã được UBND thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 08/02/2012 đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về quá trình chung sống thì thấy rằng: Ông bà kết hôn và chung sống tại nhà bà T từ năm 2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến nên ly thân từ tháng 06/2014 cho đến nay bà T không biết ông P hiện ở đâu, chỉ có thể liên lạc qua điện thoại. Qua xác minh tại địa phương cho thấy ông P đã bỏ địa phương đi làm ăn không thường xuyên về nơi đăng ký thường trú nhưng không rõ đi đâu cũng không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú do đó có cơ sở ông P cố tình che giấu địa chỉ. Tòa án triệu tập ông tham gia hòa giải và xét xử hợp lệ nhiều lần nhưng ông P vắng mặt. Xét thấy thời gian ly thân của ông với bà T đã hơn 05 năm nhưng ông bà không gặp nhau để hàn gắn cho thấy hôn nhân giữa bà T và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung:

Bà T và ông P có 01 con chung tên Trịnh Kim Th, sinh ngày 28/01/2012. Từ ngày ly thân cháu Th sống cùng Bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con chung. Quá trình làm việc, cháu Th có nguyện vọng sống với bà T. Do ông P hiện không có nơi cư trú xác định nên để đảm bảo về nhu cầu vật chất, tinh thần và quyền lợi của con chung Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Th cho bà T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Tòa án, nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Đồng Ngọc Mai T phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trịnh Thành P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đồng Ngọc Mai T đối với ông Trịnh Thành P.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Trịnh Kim Th, sinh ngày 28/01/2012 cho bà T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đồng Ngọc Mai T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: 0022140 ngày 28/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Án phí bà T đã thi hành xong. Ông Trịnh Thành P không phải chịu án phí.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà T có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Ông P có quyền kháng lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã, phường nơi ông P cư trú.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THA Bến Cầu;
- UBND thị trấn Hóc Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Chu Y